

NGHỊ QUYẾT

**Về phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng
kế hoạch vốn năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 16 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh;

Xét Tờ trình số 2529/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng kế hoạch vốn năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 79/BC-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng kế hoạch vốn năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền 3.212 triệu đồng (*Ba tỷ, hai trăm mười hai triệu đồng*) từ nguồn vượt thu ngân sách địa phương (phần thuế, phí, thu khác) năm 2021, gồm 05 dự án, cụ thể:

1. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: 1.136 triệu đồng.

2. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: 491,60 triệu đồng.

Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: 491,60 triệu đồng.

3. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: 1.001,40 triệu đồng.

- *Tiểu dự án 1.* Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: 783,40 triệu đồng.

- *Tiểu dự án 3.* Hỗ trợ việc làm bền vững: 218 triệu đồng.

4. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: 90 triệu đồng.

- *Tiểu dự án 1.* Giảm nghèo về thông tin: 40 triệu đồng.

- *Tiểu dự án 2.* Truyền thông về giảm nghèo đa chiều: 50 triệu đồng.

5. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình: 493 triệu đồng.

- *Tiểu dự án 1.* Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: 322 triệu đồng.

- *Tiểu dự án 2.* Giám sát, đánh giá: 171 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu phân bổ kinh phí đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 16 (chuyên đề) thông qua ngày 17 tháng 8 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBTW Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,
UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHĐ.08b), Duyên.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh

**PHÂN BỐ KINH PHÍ ĐỐI ỨNG VỐN SỰ NGHIỆP THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 13/2022/NQ-HĐND NGÀY 23/8/2022 CỦA HĐND TỈNH**
(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Nội dung/Đơn vị	Kinh phí sự nghiệp Trung ương phân bổ năm 2022	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022 tối thiểu 15%			
			Tổng số	Gồm		
				Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh tế
			<i>I=2+3+4</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	TỔNG SỐ	21.409	3.212	1.276,4	90	1.845,6
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	7.573	1.136			1.136
	UBND thành phố Phan Thiết	356	53,40			53,40
	UBND huyện Tuy Phong	649	97,35			97,35
	UBND huyện Bắc Bình	784	117,60			117,60
	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	998	149,70			149,70
	UBND huyện Hàm Thuận Nam	784	117,60			117,60
	UBND huyện Hàm Tân	371	55,65			55,65
	UBND thị xã La Gi	232	34,80			34,80
	UBND huyện Tánh Linh	1.141	171,15			171,15
	UBND huyện Đức Linh	998	149,70			149,70
	UBND huyện Phú Quý	125	18,75			18,75
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.135	170,30			170,30
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	3.277	491,60			491,60

STT	Nội dung/Đơn vị	Kinh phí sự nghiệp Trung ương phân bổ năm 2022	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022 tối thiểu 15%			
			Tổng số	Gồm		
				Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh tế
			<i>I=2+3+4</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	3.277	491,60			491,60
	UBND thành phố Phan Thiết	178	26,70			26,70
	UBND huyện Tuy Phong	324	48,60			48,60
	UBND huyện Bắc Bình	391	58,65			58,65
	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	498	74,70			74,70
	UBND huyện Hàm Thuận Nam	391	58,65			58,65
	UBND huyện Hàm Tân	185	27,75			27,75
	UBND thị xã La Gi	116	17,40			17,40
	UBND huyện Tánh Linh	569	85,35			85,35
	UBND huyện Đức Linh	498	74,70			74,70
	UBND huyện Phú Quý	62	9,30			9,30
	Chi Cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	65	9,80			9,80
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	6.675	1.001,40	783,40		218
a)	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	5.222	783,40	783,40		
	UBND thành phố Phan Thiết	198	29,70	29,70		

STT	Nội dung/Đơn vị	Kinh phí sự nghiệp Trung ương phân bổ năm 2022	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022 tối thiểu 15%			
			Tổng số	Gồm		
				Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh tế
			<i>1=2+3+4</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	UBND huyện Tuy Phong	224	33,60	33,60		
	UBND huyện Bắc Bình	250	37,50	37,50		
	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	257	38,55	38,55		
	UBND huyện Hàm Thuận Nam	237	35,60	35,60		
	UBND huyện Hàm Tân	152	22,80	22,80		
	UBND thị xã La Gi	152	22,80	22,80		
	UBND huyện Tánh Linh	270	40,50	40,50		
	UBND huyện Đức Linh	257	38,55	38,55		
	UBND huyện Phú Quý	92	13,80	13,80		
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3.133	470	470		
b)	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động)	1.453	218			218
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.453	218			218
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	598	90		90	
a)	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	266	40		40	
	UBND thành phố Phan Thiết	10	1,50		1,50	
	UBND huyện Tuy Phong	19	2,85		2,85	
	UBND huyện Bắc Bình	23	3,45		3,45	

STT	Nội dung/Đơn vị	Kinh phí sự nghiệp Trung ương phân bổ năm 2022	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022 tối thiểu 15%			
			Tổng số	Gồm		
				Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh tế
			<i>1=2+3+4</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	29	4,35		4,35	
	UBND huyện Hàm Thuận Nam	23	3,50		3,50	
	UBND huyện Hàm Tân	11	1,65		1,65	
	UBND thị xã La Gi	7	1,05		1,05	
	UBND huyện Tánh Linh	33	5		5	
	UBND huyện Đức Linh	29	4,35		4,35	
	UBND huyện Phú Quý	4	0,60		0,60	
	Sở Thông tin và Truyền thông	78	11,70		11,70	
b)	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	332	50		50	
	UBND thành phố Phan Thiết	12	1,80		1,80	
	UBND huyện Tuy Phong	22	3,30		3,30	
	UBND huyện Bắc Bình	26	3,90		3,90	
	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	33	5		5	
	UBND huyện Hàm Thuận Nam	26	3,90		3,90	
	UBND huyện Hàm Tân	12	1,80		1,80	
	UBND thị xã La Gi	9	1,40		1,40	
	UBND huyện Tánh Linh	38	5,70		5,70	
	UBND huyện Đức Linh	33	5		5	

STT	Nội dung/Đơn vị	Kinh phí sự nghiệp Trung ương phân bổ năm 2022	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022 tối thiểu 15%			
			Tổng số	Gồm		
				Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh tế
			<i>I=2+3+4</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	UBND huyện Phú Quý	5	0,80		0,80	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	116	17,40		17,40	
5	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình	3.286	493	493		
a)	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	2.146	322	322		
	UBND thành phố Phan Thiết	89	13,40	13,40		
	UBND huyện Tuy Phong	162	24,30	24,30		
	UBND huyện Bắc Bình	196	29,40	29,40		
	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	250	37,50	37,50		
	UBND huyện Hàm Thuận Nam	196	29,40	29,40		
	UBND huyện Hàm Tân	93	14	14		
	UBND thị xã La Gi	58	8,70	8,70		
	UBND huyện Tánh Linh	285	42,75	42,75		
	UBND huyện Đức Linh	250	37,50	37,50		
	UBND huyện Phú Quý	31	4,65	4,65		
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	536	80,40	80,40		
b)	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	1.140	171	171		

STT	Nội dung/Đơn vị	Kinh phí sự nghiệp Trung ương phân bổ năm 2022	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng năm 2022 tối thiểu 15%			
			Tổng số	Gồm		
				Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh tế
			<i>1=2+3+4</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	UBND thành phố Phan Thiết	47	7,05	7,05		
	UBND huyện Tuy Phong	86	12,90	12,90		
	UBND huyện Bắc Bình	104	15,60	15,60		
	UBND huyện Hàm Thuận Bắc	133	19,95	19,95		
	UBND huyện Hàm Thuận Nam	104	15,60	15,60		
	UBND huyện Hàm Tân	49	7,35	7,35		
	UBND thị xã La Gi	31	4,65	4,65		
	UBND huyện Tánh Linh	151	22,65	22,65		
	UBND huyện Đức Linh	133	19,95	19,95		
	UBND huyện Phú Quý	17	2,55	2,55		
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	285	42,75	42,75		